Tên Doanh nghiệp:………………………………………………………………. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược:…. Ngày cấp:… Nơi cấp:… Địa chỉ ĐKKD:…………………………………………………………………... Số điện thoại: ………………………………; Email:……………………………. Người liên hệ:……………….., Số điện thoại…………Email:…………………..

# BẢNG BÁO GIÁ THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2024-2026

## Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **STT**  **theo TT 05** | **STT**  **theo TT 15/ 2020** | **Thành phần thuốc (Ghi theo**  **TT 05)** | **Nhóm TCKT theo TT 06/ 2023** | **Đường dùng** | **Dạng bào chế (theo quy định tại TT 06/ 2023)** | **Đơn vị tính** | **Tên thuốc** | **Dạng thành phần, nồng độ hàm lượng ghi trong GPLHSP/ GPNK** | **Dạng bào chế ghi trong**  **GPLHSP/ GPNK** | **SĐK/ VISA**  **hoặc GPNK** | **Cơ sở sản xuất** | **Nước sản xuất** | **Đơn giá (đã có VAT)** | **Công bố giá KK/ KKL của Cục Quản lý Dược** | | **Giá trúng thầu từ tháng 01/2023 đến nay** | | | | | |
| **Giá KK/ KKL** | **Ngày kê khai** | **Giá trúng thầu 1** | **Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/ BV)** | **Giá trúng thầu 2** | **Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/ BV)** | **Giá trúng thầu 3** | **Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/ BV)** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** | ***13*** | ***14*** | ***15*** | ***16*** | ***17*** | ***18*** | ***19*** | ***20*** | ***21*** | ***22*** | ***23*** |
| 1 | **….** | **….** | Sài hồ, Tiền hồ, Xuyên khung, Chỉ xác, Khương hoạt, Độc hoạt, Phục linh/ Bạch linh, Cát cánh, Nhân sâm /Đảng sâm, Cam thảo. | 2 | uống | Viên | Viên | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** | **….** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**\* Ghi chú:**

- Từ viết tắt:

............, ngày..... tháng năm 20..

# GIÁM ĐỐC

## (Ký tên, đóng dấu)

+ TT05: Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm Y tế;

+ TT06/ 2023: Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

+ TT15/ 2020: Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

+ STT: Số thứ tự; SYT/BV: Sở Y tế/ Bệnh viện.

* **Cột 2**: Ghi số thứ tự tương ứng Phần A. Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu thuộc Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm Y tế tại Thông tư số 05/2015/TT-BYT;
* **Cột 3**: Ghi số thứ tự tương ứng theo Phụ lục I Thông tư số 15/2020/TT-BYT
* **Cột 5:** Ghi nhóm tiêu chí kỹ thuật theo Thông tư số 06/2023/TT-BYT (gồm các nhóm từ 1 đến 4).
* **Cột 18-20-22:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất
* **Cột 19-21-23:** Ghi không quá 03 tên SYT/BV

Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.